TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 65/2024/DS-ST Ngày: 02 - 02 – 2024 V/v tranh chấp Hợp đồng góp hụi, vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tám.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Ngọc Hân.
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 411/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng góp hụi, vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 260/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
2. *Bị đơn*: Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1963.
Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
(Bà Bé T xin vắng mặt, bà T vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé T có đơn xin vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày và yêu cầu*:

Bà có tham gia hụi do bà Nguyễn Thị Hồng T làm đầu thảo, cụ thể:

- Hụi mở ngày 15/02/2023 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, gồm 31 phần, bà tham gia 01 phần, đóng được 07 kỳ (đóng đến tháng 7/2023 âm lịch), hụi bể tháng 8/2023 âm lịch. Trong dây hụi này, bà T có bán cho bà 02 phần hụi, mỗi phần 15.000.000 đồng, do hụi bể nên bà T chưa thanh toán.

- Ngoài ra, bà T có vay của bà 5.000.000 đồng ngày 10/02/2023 âm lịch, thỏa thuận lãi 04% tháng, bà T đóng lãi 03 tháng thì ngưng.

Ngày 10/8/2023, bà T có ký tờ xác nhận nợ hụi còn thiếu số tiền dây hụi ngày 15/02/2023 là 7.000.000đ, tiền mua dây hụi ngày 15/02/2023, 02 phần số tiền 30.000.000 đồng và tiền mượn 5 triệu. Do đó, bà bé T yêu cầu bà T trả cho bà số tiền hụi và vay còn nợ tổng cộng là 42.000.000 đồng; yêu cầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T đã được Tòa án thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng vắng mặt không có lý do, nên không thể hiện được ý kiến bà T đối với yêu cầu của bà Bé T trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp Hợp đồng góp hụi, vay tài sản được quy định tại Điều 463, 471 Bộ luật Dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé T xin vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Bé T, bà T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé T yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng T trả số tiền nợ hụi và vay là 42.000.000 đồng. Chứng cứ bà Bé T cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà là tờ xác nhận nợ hụi ngày 10/8/2023, có chữ ký "T" và chữ viết họ tên "Nguyễn Thị Hồng T", nội dung nợ hụi viên Nguyễn Thị Bé T mượn 5 triệu, hụi ngày 15/2/2023- 7.000.000 đồng, hụi mua ngày 15/2/2023 02 phần - 30.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, bà Nguyễn Thị Hồng T vắng mặt từ giai đoạn thụ lý cho đến xét xử nên không thể hiện ý kiến của bà trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa. Mặc khác, căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ Luật tố tụng dân sự thì đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh sự phản đối đó. Tuy nhiên, trong suốt quá trình tố tụng, bà T không thể hiện ý chí phản đối chứng cứ và tài liệu mà bà Bé T cung cấp thì phải chịu hậu quả bất lợi của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ Luật tố tụng dân sự. Do đó, bà Bé T khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền 42.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về yêu cầu tính lãi: Bà Bé T không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về thời gian trả: Xét thấy, bị đơn đã vi phạm hợp đồng khi chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, căn cứ các quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ buộc bà T trả số tiền 42.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 235, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 471, 463, 466, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé T.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bé T số tiền 42.000.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện theo nội dung quyết định này, thì hàng tháng còn phải trả lãi phát sinh tính trên số tiền và thời gian chậm thi hành án, với mức lãi suất tính theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Hồng T nộp 2.100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn lại bà Nguyễn Thị Bé T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.075.000 đồng theo biên lai thu số 0012612 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tám